



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên Tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

PKF
Accountants &
business advisers

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

**Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019**

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 – 38



TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP
127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) hân hạnh trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019.

1. Thông tin chung

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301445210, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 02 năm 2007 và các lần đăng ký thay đổi với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 6 ngày 21 tháng 7 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty có mã chứng khoán là TVT được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định 3241/QĐ-BCN ngày 14 tháng 11 năm 2006.

Trụ sở chính của Công ty:

- Địa chỉ : 127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028 3896 9337 – 3896 0543
- Fax : 028 3896 9319

Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất vải.
- Xây dựng dân dụng.
- Lắp đặt máy móc và thiết bị ngành công nghiệp.
- Sản xuất bông, xơ, sợi.
- Sản xuất sản phẩm may mặc.
- Kinh doanh bất động sản.
- Mua bán vải, sản phẩm may mặc.
- Mua bán sản phẩm bông, xơ, sợi. Mua bán hóa chất ngành công nghiệp, ngành xây dựng (trừ hóa chất độc hại mạnh).
- Mua bán nguyên vật liệu ngành công nghiệp, ngành xây dựng.
- Mua bán máy móc, thiết bị ngành công nghiệp, ngành xây dựng.

Trong 6 tháng đầu năm 2019, hoạt động chính của Công ty là sản xuất và mua bán sản phẩm bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc; hoạt động thoát nước và xử lý nước thải, thu gom rác thải không độc hại; hoạt động của các cảng tin; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban quản lý điều hành

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban quản lý điều hành trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày từ nhiệm
Ông Nguyễn Đức Khiêm	Chủ tịch		
Ông Phạm Minh Tuấn	Thành Viên	25/04/2019	
Ông Diệu Chí Hào	Thành viên		
Bà Trần Thị Thanh Phương	Thành viên		
Ông Lê Nguyên Ngọc	Thành viên		
Ông Nguyễn Hữu Phú	Thành viên		25/04/2019

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Đức Lợi	Trưởng Ban
Bà Vũ Thị Thùy Dương	Thành viên
Bà Đào Thị Nội	Thành viên

Ban Quản lý điều hành

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Đức Khiêm	Tổng Giám đốc
Ông Lê Nguyên Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Diệp Quốc Bình	Kế toán trưởng

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là:

ông Nguyễn Đức Khiêm

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ;

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP
127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

7. **Công bố các báo cáo tài chính**

Chúng tôi công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



[Handwritten signature]

Ông Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám Đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2019

04/08/2019
ÔNG
NGUYỄN
ĐỨC
KHIÊM
TP. HỒ



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

Số: 187/2019/BCSX-HCM.001074



Accountants &
business advisers

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP ("Công ty"), được lập ngày 14 tháng 08 năm 2019, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ tài chính 06 tháng đầu năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần với các báo cáo này tại ngày 15 tháng 08 năm 2018 và 29 tháng 03 năm 2019.



A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'Thanh Minh'.

TRANG ĐẶC NHA

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2019

NGUYỄN THỊ THANH MINH

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0068-2018-009-1

A small red stamp on the right margin, partially visible, with the text 'CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM'.

TÔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2019

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		839.141.387.034	674.500.149.029
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	146.681.347.665	57.130.576.643
Tiền	111		81.681.347.665	52.130.576.643
Các khoản tương đương tiền	112		65.000.000.000	5.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		115.000.000.000	16.049.150.685
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2.1	115.000.000.000	16.049.150.685
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		283.019.845.246	277.586.989.248
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	259.723.850.834	255.696.392.185
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	16.353.311.082	17.746.453.602
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5.1	9.216.351.087	4.417.811.218
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(2.273.667.757)	(273.667.757)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140		288.321.587.147	321.242.421.172
Hàng tồn kho	141	5.7	289.453.414.385	326.548.929.564
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.131.827.238)	(5.306.508.392)
Tài sản ngắn hạn khác	150		6.118.606.976	2.491.011.281
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8.1	6.099.055.065	2.353.053.142
Thuế GTGT được khấu trừ	152		19.551.911	20.702.870
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	-	117.255.269
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2019

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		662.759.173.938	665.470.300.078
Các khoản phải thu dài hạn	210		100.000.000	100.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	5.5.2	100.000.000	100.000.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		495.325.417.136	508.336.859.794
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	495.325.417.136	508.336.859.794
Nguyên giá	222		1.133.431.960.033	1.128.180.087.736
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(638.106.542.897)	(619.843.227.942)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Bất động sản đầu tư	230	5.10	52.209.934.448	36.444.749.232
Nguyên giá	231		88.196.569.375	70.468.849.375
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(35.986.634.927)	(34.024.100.143)
Tài sản dở dang dài hạn	240		13.738.379.168	17.574.732.158
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	13.738.379.168	17.574.732.158
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2.2	88.549.470.627	88.549.470.627
Đầu tư vào công ty con	251		77.890.684.464	77.890.684.464
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		16.058.786.163	16.058.786.163
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.600.000.000	3.600.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(9.000.000.000)	(9.000.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		12.835.972.559	14.464.488.267
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8.2	12.619.885.311	13.615.703.335
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.12	216.087.248	848.784.932
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.501.900.560.972	1.339.970.449.107



TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2019

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.029.210.498.569	698.566.512.504
Nợ ngắn hạn	310		942.157.473.879	608.964.839.946
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13.1	54.200.130.696	52.589.758.281
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	2.870.734.362	8.240.639.962
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	16.058.890.979	5.637.918.482
Phải trả người lao động	314		30.991.388.125	36.164.409.443
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	335.429.472	518.526.169
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17.1	334.441.625.637	79.494.614.381
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18.1	488.630.802.324	419.347.490.646
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	5.19	14.628.472.284	6.971.482.582
Nợ dài hạn	330		87.053.024.690	89.601.672.558
Phải trả dài hạn khác	337	5.17.2	1.476.301.000	1.476.301.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18.2	85.576.723.690	88.125.371.558
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		472.690.062.403	641.403.936.603
Vốn chủ sở hữu	410	5.20	472.690.062.403	641.403.936.603
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		210.000.000.000	210.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.062.727.273	3.062.727.273
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		53.396.822.577	53.396.822.577
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		206.230.512.553	374.944.386.753
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		155.503.315.967	280.533.678.899
LNST chưa phân phối năm nay	421b		50.727.196.586	94.410.707.854
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.501.980.560.972	1.339.970.449.107



DIỆP QUỐC BÌNH

Người lập biểu/ Kế toán trưởng



NGUYỄN ĐỨC KHIÊM

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2019

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2019

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		873.410.170.122	980.285.996.995
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		752.832.564	515.348.954
Doanh thu thuần	10	6.1	872.657.337.558	979.770.648.041
Giá vốn hàng bán	11	6.2	775.794.989.930	879.133.987.851
Lợi nhuận gộp	20		96.862.347.628	100.636.660.190
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	8.039.883.108	6.432.427.916
Chi phí tài chính	22	6.4	14.695.232.935	16.666.637.385
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		13.805.845.184	13.822.658.613
Chi phí bán hàng	24	6.5	3.762.549.726	3.478.357.615
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	24.689.372.114	22.656.548.653
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		61.755.075.961	64.267.544.453
Thu nhập khác	31	6.7	1.683.182.220	585.784.117
Chi phí khác	32		-	73.850
Lợi nhuận khác	40		1.683.182.220	585.710.267
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		63.438.258.181	64.853.254.720
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.15	12.078.363.911	12.107.750.687
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	5.12	632.697.684	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		50.727.196.586	52.745.504.033



DIỆP QUỐC BÌNH

Người lập biểu/ Kế toán trưởng



NGUYỄN ĐỨC KHIÊM

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2019

	Mã số	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	63.438.258.181	64.853.254.720
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	50.107.991.164	45.699.361.280
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	(2.174.681.154)	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	497.425.813	2.503.011.952
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(8.314.633.297)	(6.071.704.344)
Chi phí lãi vay	06	13.805.845.184	13.822.658.613
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	117.360.205.891	120.806.582.221
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(11.619.497.492)	(51.488.064.946)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	37.095.515.179	48.681.954.741
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	43.864.370.085	27.786.352.568
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(2.750.183.899)	(3.785.579.595)
Tiền lãi vay đã trả	14	(13.792.355.123)	(13.405.568.637)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.519.345.799)	(10.338.819.353)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.784.081.084)	(2.070.918.577)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	158.854.627.758	116.185.938.422
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(39.367.128.534)	(54.568.930.246)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	1.681.739.520	603.816.000
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(117.034.520.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	18.083.670.685	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.763.587.270	833.745.794
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(134.872.651.059)	(53.131.368.452)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	485.405.529.818	538.133.130.700
Tiền trả nợ gốc vay	34	(419.076.959.680)	(463.275.014.943)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(700.000.000)	(51.401.815.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	65.628.570.138	23.456.300.757
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	89.610.546.837	86.510.870.727
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	57.130.576.643	35.347.434.495
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(59.775.815)	7.929.159
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	146.881.347.665	121.866.234.381

ĐIỆP QUỐC BÌNH

Người lập biểu/ Kế toán trưởng

NGUYỄN ĐỨC KHIÊM

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2019

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301445210, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 02 năm 2007 và các lần đăng ký thay đổi với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 6 ngày 21 tháng 7 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty có mã chứng khoán là TVT được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 17 tháng 7 năm 2017.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất, thương mại và dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và mua bán sản phẩm bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc; hoạt động thoát nước và xử lý nước thải; thu gom rác thải không độc hại; hoạt động của các cảng tin, kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
- Công ty cổ phần May Việt Thắng	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất hàng may mặc, gia công may	52,27%	52,27%	52,27%
- Công ty cổ phần nguyên phụ liệu Dệt May Bình An	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất và mua bán phụ liệu ngành dệt may	58,55%	58,55%	58,55%

Các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
- Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất các loại áo cao cấp	50,00%	50,00%	50,00%
- Công ty cổ phần Thương mại Dệt May TP. Hồ Chí Minh	96 Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất mua bán nguyên vật liệu ngành dệt	20,00%	20,00%	20,00%

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Các số liệu trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, tổng số nhân viên của Công ty là 1.045 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 1.108 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

95-C
TY
TU H
AN
NAM
CH

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ). Tỷ giá tại ngày 28/06/2019: 23.220 VND/USD.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch). Tỷ giá tại ngày 28/06/2019: 23.220 VND/USD.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch). Tỷ giá tại ngày 28/06/2019: 23.320 VND/USD.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Sản phẩm dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Thành phẩm: bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí bảo hiểm rủi ro tài sản, chi phí sửa chữa và công cụ dụng cụ

Chi phí bảo hiểm rủi ro tài sản, chi phí sửa chữa và công cụ dụng cụ được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian không quá 12 tháng kể từ khi phát sinh.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm trích khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 38 năm
Máy móc, thiết bị	3 – 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 8 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 9 năm

4.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa	5 – 25 năm

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tài phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tài phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh thu đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu về cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu về cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

4.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.17 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

4.18 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty / đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty / đối tượng	Quan hệ
Công ty cổ phần May Việt Thắng	Công ty con
Công ty cổ phần nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	Công ty con
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	Công ty liên doanh
Công ty cổ phần Thương mại Dệt May TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	308.383.622	260.542.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND	72.417.032.102	49.291.086.241
- USD	8.955.931.941	2.578.948.402
Các khoản tương đương tiền	65.000.000.000	5.000.000.000
	146.681.347.665	57.130.576.643

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, khoản tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ là 385.799,05 USD, tương đương 8.955.931.941 VND.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	115.000.000.000	115.000.000.000	16.049.150.685	16.049.150.685
	115.000.000.000	115.000.000.000	16.049.150.685	16.049.150.685

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2019, các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất 8% - 8,25%/năm.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

5.2.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2019			01/01/2019		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con	77.890.684.464		77.890.684.464			
Công ty cổ phần May Việt Thắng (1)	12.742.589.464	- (*)	12.742.589.464	- (*)		
Công ty cổ phần nguyên phụ liệu Dệt May Bình An (2)	65.148.095.000	- (*)	65.148.095.000	- (*)		
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	16.058.786.163 (9.000.000.000)		16.058.786.163 (9.000.000.000)			
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I (3)	7.058.786.163	- (*)	7.058.786.163	- (*)		
Công ty cổ phần Thương mại Dệt – may TP. Hồ Chí Minh (4)	9.000.000.000 (9.000.000.000)	(*)	9.000.000.000 (9.000.000.000)	(*)		
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	3.600.000.000		3.600.000.000			
Công ty TNHH Dệt Việt Phú (5)	3.600.000.000	- (*)	3.600.000.000	- (*)		
	97.549.470.627 (9.000.000.000)		97.549.470.627 (9.000.000.000)			

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư vào đơn vị khác:

- (1) Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần May Việt Thắng với giá trị 12.742.589.464 VND, chiếm 52,27% vốn điều lệ.
- (2) Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần nguyên phụ liệu Dệt May Bình An với giá trị 65.148.095.000 VND, chiếm 58,88% vốn điều lệ.
- (3) Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Việt Thắng Luch I với giá trị 7.058.786.163 VND, chiếm 50% vốn điều lệ.
- (4) Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Thương mại Dệt – may với giá trị 9.000.000.000 VND, chiếm 20% vốn điều lệ.
- (5) Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Dệt Việt Phú với giá trị 3.600.000.000 VND, chiếm 12% vốn điều lệ.

PS-C
TY
HẠN
N
NAM
CHÍ

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong năm

Công ty cổ phần Thương mại Dệt – may TP. Hồ Chí Minh kinh doanh thua lỗ Công ty đã trích lập dự phòng 100%. Các công ty con khác và công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết, liên doanh

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết như sau:

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Tại ngày đầu kỳ	(9.000.000.000)	(9.000.000.000)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Tại ngày cuối kỳ	(9.000.000.000)	(9.000.000.000)

Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Công ty cổ phần May Việt Thắng		
Doanh thu bán thành phẩm	603.426.750	367.690.000
Doanh thu cho thuê	800.944.790	925.723.636
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.197.025.209	4.441.500.573
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I		
Doanh thu cho thuê	606.991.846	589.586.539
Doanh thu bán thành phẩm	-	6.135.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.013.617.206	1.256.697.475

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<i>Phải thu bên liên quan</i>		
Công ty cổ phần May Việt Thắng	415.667.887	1.437.257.002
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	3.223.298.269	1.627.634.279
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>		
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Đại Dũng	12.217.133.170	20.449.099.715
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Lâm Anh	18.060.874.315	21.281.324.768
Các khách hàng khác	225.806.877.193	210.901.076.421
	259.723.850.834	255.696.392.185

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<i>Trả trước người bán khác</i>		
Staubli Sargans AG	-	8 887.139.384
Công ty TNHH Sợi Tân Uyên	-	5.200.000.000
Công ty TNHH TM & DV Việt Sin	6.744.172.512	299.272.512
Uster Technologies AG	3.332.314.800	-
Công ty TNHH Thương Mại Sản Xuất & Dịch Vụ Hồng Phúc Long	3.401.027.004	-
Các tổ chức và cá nhân khác	2.875.796.766	3.360.041.706
	16.353.311.082	17.746.453.602

5.5 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác**5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Phải thu bên liên quan</i>				
Công ty cổ phần May Việt Thắng				
+ Phải thu về cổ tức	1.045.375.000	-	-	-
+ Phải thu về thuốc y tế	20.259.890	-	18.257.897	-
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I				
+ Phải thu về cổ tức	2.630.922.000	-	2.630.922.000	-
+ Phải thu về thuốc y tế	10.462.481	-	8.210.898	-
<i>Phải thu tổ chức và cá nhân khác</i>				
Lãi tiền gửi phải thu	4.134.452.055	-	310.520.548	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.374.879.661	-	1.449.899.875	-
	9.216.351.087	-	4.417.811.218	-

5.5.2 Phải thu dài hạn khác

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Phải thu tổ chức và cá nhân khác</i>				
Các khoản kỳ cược, kỳ quỹ	100.000.000	-	100.000.000	-
	100.000.000	-	100.000.000	-

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

5.6 Nợ xấu

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Các đối tượng khác				
Nợ quá hạn dưới 1 năm				
Công ty TNHH TM Phó Nghiệp Thành	2.000.000.000	-	-	-
Nợ quá hạn trên 3 năm				
Công ty TNHH TMDV Đoàn Kết	273.667.757	-	273.667.757	-
	2.273.667.757	-	273.667.757	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Tại ngày đầu kỳ	273.667.757	273.667.757
Trích lập dự phòng trong kỳ	2.000.000.000	-
Tại ngày cuối kỳ	2.273.667.757	273.667.757

5.7 Hàng tồn kho

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	5.639.256.230	-	6.380.123.444	-
Nguyên vật liệu	96.430.989.605	-	117.593.082.994	-
Công cụ và dụng cụ	111.952.080	-	110.834.536	-
Chi phí SX kinh doanh dở dang	39.992.568.273	-	47.554.234.478	-
Thành phẩm	147.224.527.187	(1.131.827.238)	154.500.094.662	(5.306.508.392)
Hàng hóa	54.121.010	-	410.559.450	-
	289.453.414.385	(1.131.827.238)	326.548.929.564	(5.306.508.392)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Tại ngày đầu kỳ	5.306.508.392	2.026.416.200
(Hoàn nhập) dự phòng trong kỳ	(4.174.681.154)	-
Tại ngày cuối kỳ	1.131.827.238	2.026.416.200

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Bảo hiểm rủi ro tài sản	482.311.093	143.024.375
Tiền thuê đất, thuê đất	4.801.010.185	-
Công cụ, dụng cụ	815.733.787	2.210.028.767
	6.099.055.065	2.353.053.142

5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	5.579.529.498	8.379.107.115
Công cụ, dụng cụ	7.040.355.813	5.236.596.220
	12.619.885.311	13.615.703.335

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2019	130.028.007.787	987.149.893.413	10.385.648.172	616.538.364	1.128.180.087.736
Mua trong kỳ	-	35.060.284.222	-	73.729.500	35.134.013.722
Thanh lý trong kỳ	-	(29.882.141.425)	-	-	(29.882.141.425)
Tại ngày 30/06/2019	130.028.007.787	992.328.036.210	10.385.648.172	690.267.864	1.133.431.960.033
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2019	68.307.297.327	543.037.513.937	7.890.628.316	607.788.362	619.843.227.942
Khấu hao trong kỳ	3.517.027.829	44.266.024.606	351.450.505	10.953.440	48.145.456.380
Thanh lý trong kỳ	-	(29.882.141.425)	-	-	(29.882.141.425)
Tại ngày 30/06/2019	71.824.325.156	557.421.397.118	8.242.078.821	618.741.802	638.106.542.897
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2019	61.720.710.460	444.112.379.476	2.495.019.856	8.750.002	508.336.859.794
Tại ngày 30/06/2019	58.203.682.631	434.906.639.092	2.143.569.351	71.526.062	495.325.417.136

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2019	18.869.961.418	113.493.555.570	5.958.547.152	581.538.364	138.903.602.504
Tại ngày 30/06/2019	18.869.961.418	95.363.967.688	5.958.547.152	581.538.364	120.774.014.622

- Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, giá trị còn lại của một số tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp đảm bảo cho các khoản vay là 381.693.201.076 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2019 là 377.561.187.481 VND) – Xem thêm mục 5.18.

TÔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

5.10 Tình hình tăng giảm bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2019	70.468.849.375
Tăng trong kỳ	17.727.720.000
Tại ngày 30/06/2019	88.196.569.375
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2019	34.024.100.143
Khấu hao trong kỳ	1.962.534.784
Tại ngày 30/06/2019	35.986.634.927
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2019	36.444.749.232
Tại ngày 30/06/2019	52.209.934.448
Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê:	
Tại ngày 01/01/2019	26.436.678.414
Tại ngày 30/06/2019	26.436.678.414

Theo quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày lập báo cáo cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2019	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển sang bất động sản đầu tư	30/06/2019
	VND	VND	VND	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định					
- Máy ghép sợi	1.937.090	1.717.322.091	(1.719.259.181)	-	-
- Máy đánh ống tự động	14.290.828	10.264.782.925	(10.276.438.593)	-	2.635.160
- Máy khâu go tự động	26.315.231	9.856.136.983	(9.882.452.214)	-	-
- Máy chải	-	1.137.561.591	-	-	1.137.561.591
- Máy sợi thô	13.772.866	5.715.104.427	-	-	5.728.877.293
- Tài sản khác	5.022.336.143	11.817.457.865	(13.077.088.884)	-	3.762.705.124
Sửa chữa lớn tài sản					
- Công trình cải tạo và nâng cấp nhà xưởng	12.496.080.000	8.338.240.000	-	(17.727.720.000)	3.106.600.000
	17.574.732.158	48.846.605.882	(34.955.238.872)	(17.727.720.000)	13.738.379.168

5.12 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Tại ngày đầu kỳ	848.784.932	848.784.932
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(632.697.684)	-
Tại ngày cuối kỳ	216.087.248	848.784.932

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn, dài hạn**5.13.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải trả các bên liên quan		
Công ty cổ phần May Việt Thắng	1.534.203	-
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Công ty TNHH Dệt Đông Tiến Hưng	-	8.835.110.048
Kangwal Polyester Co.,Ltd	9.848.991.492	5.646.112.406
Công ty TNHH Dệt Việt Phú	23.019.098.093	20.291.443.761
Các nhà cung cấp khác	21.330.506.908	17.817.092.066
	54.200.130.696	52.589.758.281

5.13.2 Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<i>Người mua trả tiền trước khác</i>		
Công ty TNHH Toyoshima Việt Nam	-	5.717.250.000
Công ty TNHH Chori Việt Nam	1.000.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Phong cách Sống	903.197.603	-
Các khách hàng mua bất động sản khác	967.536.759	2.523.389.962
	2.870.734.362	8.240.639.962

5.15 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

	01/01/2019		Số phát sinh trong kỳ		30/06/2019	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế GTGT	653.865.550	-	39.948.425.208	(36.858.310.392)	3.743.980.366	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	(117.255.269)	1.008.770.513	(1.008.770.513)	-	-
Thuế TNDN	4.892.282.572	-	12.078.363.911	(9.519.345.799)	7.451.300.684	-
Thuế thu nhập cá nhân	87.783.660	-	824.231.208	(842.800.805)	69.214.063	-
Thuế tài nguyên	3.986.700	-	36.622.840	(31.289.460)	9.320.080	-
Tiền thuế đất	-	-	9.761.364.277	(4.976.288.491)	4.785.075.786	-
Các khoản thuế khác	-	-	27.004.800	(27.004.800)	-	-
	5.637.918.482	(117.255.269)	63.684.782.757	(53.263.810.260)	16.058.890.979	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động của công ty là 10% và 0% với mặt hàng xuất khẩu, hoạt động khác là 5% và không chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

- Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được ước tính như sau:

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	63.438.258.181	59.122.463.026
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
- Chi phí không được trừ khi tính thuế	862.551.966	502.811.215
Thu nhập chịu thuế	64.300.810.147	59.625.274.241
Thu nhập được miễn thuế	(4.208.863.420)	(4.817.312.500)
Thu nhập tính thuế	60.091.946.727	60.538.753.435
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN	12.018.389.345	12.107.750.687
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp các năm trước	59.974.566	-
Tổng Thuế TNDN phải nộp trong kỳ	12.078.363.911	12.107.750.687

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Phải trả tổ chức và cá nhân khác		
Chi phí kiểm toán	90.000.000	268.181.818
Chi phí phải trả tạm	-	230.093.318
Chi phí khám sức khỏe định kỳ	165.000.000	-
Tiền thuê đất	80.429.472	-
	335.429.472	518.526.169

5.17 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**5.17.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Phải trả các bên liên quan		
Cổ tức phải trả	209.766.455.000	466.455.000
Phải trả tổ chức và cá nhân khác		
Kinh phí công đoàn	316.200.380	318.627.540
Nhận ký quỹ bảo lãnh dự thầu	-	208.000.000
Các khoản tài trợ thương mại từ ngân hàng (*)	123.085.419.207	77.258.144.015
Các khoản phải trả khác	1.273.551.050	1.243.387.826
	334.441.625.637	79.494.614.381

(*) Đây là số tiền phải trả cho Thư tín dụng trả chậm có thể thanh toán ngay (UPAS/LC) cung cấp bởi các ngân hàng với kỳ hạn trả chậm là 180 ngày.

5.17.2 Phải trả dài hạn khác

	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Phải trả tổ chức và cá nhân khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.476.301.000	1.476.301.000
	1.476.301.000	1.476.301.000

5.17.3 Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

5.18 Vay ngắn hạn, dài hạn**5.18.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn các tổ chức khác				
Vay ngắn hạn (*)	439.559.832.244	439.559.832.244	362.517.190.026	362.517.190.026
Cộng: Nợ dài hạn đến hạn trả	49.070.970.080	49.070.970.080	56.830.300.620	56.830.300.620
	488.630.802.324	488.630.802.324	419.347.490.646	419.347.490.646

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP
 127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	01/01/2019 VND	Số tiền vay phát sinh trong kỳ VND	Kết chuyển nợ đến hạn từ nợ dài hạn VND	Số tiền trả nợ vay trong kỳ VND	Chênh lệch tỷ giá đánh giá VND	30/06/2019 VND
Vay ngắn hạn						
Các tổ chức khác	362.517.190.026	459.760.288.915	-	(382.717.646.697)	-	439.559.832.244
Nợ dài hạn đến hạn trả						
Các tổ chức khác	56.830.300.620	-	28.575.621.705	(36.437.312.985)	102.360.740	49.070.970.080
	419.347.490.646	459.760.288.915	28.575.621.705	(418.721.208.138)	102.360.740	488.630.802.324

Điều kiện và điều khoản của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền VND	Lãi suất năm VND	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (i)				
Khoản vay 1	VND	5,8% - 6,3%	283.356.747.631	147.281.633.487
Khoản vay 2	USD	3,3% - 3,6%	-	46.620.110.880
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (ii)				
Khoản vay 3	VND	5,8%	107.125.412.246	127.759.234.346
Malayan Banking Berhad – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (iii)				
Khoản vay 4	VND	5,5%	2.061.777.968	-
Ngân hàng SinoPac – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (iii)				
Khoản vay 5	VND	5,0% - 5,2%	32.830.016.849	40.856.211.313
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 (iii)				
Khoản vay 6	VND	6,5%	14.185.877.550	-

439.559.832.244 **362.517.190.026**

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

- (i) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 239.953.791.812 VND (01/01/2019: 221.222.824.885 VND).
- (ii) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 3.001.035.150 VND (01/01/2019: 5.218.954.553 VND).
- (iii) Các khoản vay ngân hàng này không được đảm bảo.

5.18.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác				
Vay dài hạn	134.647.693.770	134.647.693.770	144.955.672.178	144.955.672.178
Nợ dài hạn đến hạn trả	(49.070.970.080)	(49.070.970.080)	(56.830.300.620)	(56.830.300.620)
	85.576.723.690	85.576.723.690	88.125.371.558	88.125.371.558

Chi tiết phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	01/01/2019 VND	Số tiền vay phát sinh trong kỳ VND	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn VND	Chênh lệch tỷ giá VND	30/06/2019 VND
Vay dài hạn ngân hàng	88.125.371.558	25.645.240.903	(28.575.621.705)	381.732.934	85.576.723.690
	88.125.371.558	25.645.240.903	(28.575.621.705)	381.732.934	85.576.723.690

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền VND	Lãi suất năm VND	Thời hạn còn lại Năm	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam					
Khoản vay 1 (i)	USD	4,1%-5,3%	2-7	102.053.293.690	101.527.249.853
Khoản vay 2 (ii)	VND	10,5%	7	4.511.430.000	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam					
Khoản vay 3 (iii)	USD	5,1%	5	28.082.970.080	43.428.422.325
Trừ nợ dài hạn đến hạn trả					
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	4,1%	1	(20.988.000.000)	(27.882.000.000)
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VND	5,1%	1	(28.082.970.080)	(28.948.300.620)
				85.576.723.690	88.125.371.558

Khoản vay (i) và khoản vay (ii) được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 29.436.567.904 VND (01/01/2019: 31.886.680.468 VND).

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

5.19 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Tại ngày đầu kỳ	6.971.482.582	5.204.158.256
Trích từ lợi nhuận	9.441.070.786	8.384.063.806
Sử dụng trong kỳ	(1.784.081.084)	(2.070.918.577)
Tại ngày cuối kỳ	14.628.472.284	11.517.303.485

5.20 Vốn chủ sở hữu ("CSH")**5.20.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư					
01/01/2018	210.000.000.000	3.062.727.273	53.396.822.577	341.417.742.705	607.877.292.555
Lãi trong kỳ	-	-	-	52.745.504.033	52.745.504.033
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(8.384.063.806)	(8.384.063.806)
Chia cổ tức	-	-	-	(52.500.000.000)	(52.500.000.000)
Số dư					
30/06/2018	210.000.000.000	3.062.727.273	53.396.822.577	333.279.182.932	599.738.732.782
Số dư					
01/07/2018	210.000.000.000	3.062.727.273	53.396.822.577	333.279.182.932	599.738.732.782
Lãi trong kỳ	-	-	-	41.665.203.821	41.665.203.821
Số dư					
31/12/2018	210.000.000.000	3.062.727.273	53.396.822.577	374.944.386.753	641.403.936.603
Số dư					
01/01/2019	210.000.000.000	3.062.727.273	53.396.822.577	374.944.386.753	641.403.936.603
Lãi trong kỳ	-	-	-	50.727.196.586	50.727.196.586
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	(9.441.070.786)	(9.441.070.786)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(210.000.000.000)	(210.000.000.000)
Số dư					
30/06/2019	210.000.000.000	3.062.727.273	53.396.822.577	206.230.512.553	472.690.062.403

(*) Theo nghị quyết của đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 25 tháng 04 năm 2019.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

5.20.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301445210, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 02 năm 2007 và các lần đăng ký thay đổi với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 6 ngày 21 tháng 7 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty là 210.000.000.000 VND. Đến ngày 30 tháng 06 năm 2019 các cổ đông Công ty đã góp đủ vốn.

	30/06/2019			01/01/2019		
	Cổ phiếu	VND	Tỷ lệ	Cổ phiếu	VND	Tỷ lệ
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	9.855.000	98.550.000.000	47%	9.855.000	98.550.000.000	47%
Cổ đông khác	11.145.000	111.450.000.000	53%	11.145.000	111.450.000.000	53%
	21.000.000	210.000.000.000	100%	21.000.000	210.000.000.000	100%

6.21.3 Cổ phiếu

	30/06/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.000.000	21.000.000
• Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
• Cổ phiếu phổ thông	-	-
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.000.000	21.000.000
• Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu.

5.23.4 Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 38/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2019 như sau:

	VND
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	9.441.070.786
• Chia cổ tức	210.000.000.000
	219.441.070.786

5.21 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ**Ngoại tệ**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Dolla Mỹ (USD)	385.699,05	211.327,91

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán thành phẩm	639.838.869.161	666.167.620.222
Doanh thu bán hàng hóa	197.648.009.499	274.441.514.519
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.493.209.406	16.658.426.825
Doanh thu bán phế liệu	11.906.017.510	13.161.856.558
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	11.524.064.546	9.856.578.871
	873.410.170.122	980.285.996.995
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm giá hàng bán	(655.329.064)	(206.994.021)
Hàng bán bị trả lại	(97.503.500)	(308.354.933)
	(752.832.564)	(515.348.954)
Doanh thu thuần	872.657.337.558	979.770.648.041

Trong đó doanh thu với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Công ty cổ phần May Việt Thắng	3.601.396.749	5.734.914.209
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	1.620.609.052	1.852.419.014
	5.222.005.801	7.587.333.223

6.2 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Giá vốn thành phẩm	554.992.134.526	578.471.885.989
Giá vốn hàng hóa	196.689.303.465	270.505.453.780
Giá vốn cung cấp dịch vụ	12.748.055.642	13.803.392.848
Giá vốn phế liệu	11.183.427.648	12.271.671.998
Giá vốn bất động sản đầu tư cho thuê	4.356.749.803	4.081.583.236
Tăng/(Hoàn nhập) dự phòng hàng tồn kho	(4.174.681.154)	-
	775.794.989.930	879.133.987.851

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Tiền lãi chậm thanh toán	810.222.665	615.001.158
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.587.518.777	711.802.739
Cổ tức được chia	1.045.375.000	4.817.312.500
Lãi chênh lệch tỷ giá	596.766.666	288.311.519
	8.039.883.108	6.432.427.916

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chi phí lãi vay	13.805.845.184	13.822.658.613
Chi phí tài chính khác	889.387.751	2.843.978.772
	14.695.232.935	16.666.637.385

6.5 Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	501.048.950	634.003.729
Chi phí hoa hồng	1.573.352.011	1.088.555.791
Chi phí khấu hao tài sản cố định	660.986.429	660.986.436
Chi phí bán hàng khác	1.027.162.336	1.094.811.659
	3.762.549.726	3.478.357.615

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	13.267.663.656	13.590.801.153
Thuế, tiền thuê đất	2.535.322.056	2.500.469.936
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	8.886.386.402	6.565.277.564
	24.689.372.114	22.656.548.653

6.7 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	1.681.739.520	542.589.105
Các khoản thu nhập khác	1.442.700	43.195.012
	1.683.182.220	585.784.117

6.8 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Giá vốn bán hàng hóa	196.757.745.332	271.835.032.058
Chi phí nguyên vật liệu	369.204.949.495	328.530.114.596
Chi phí nhân công	64.552.665.808	78.421.774.935
Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.107.991.164	45.699.361.280
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	108.683.314.479	99.534.038.853
	789.306.666.278	824.020.321.722

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**7.1 Các giao dịch không bằng tiền**

Trong kỳ Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ	9.658.252.198	38.064.228.776
	<u>9.658.252.198</u>	<u>38.064.228.776</u>

7.2 Tiền thu từ đi vay

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	485.405.529.818	538.133.130.700
	<u>485.405.529.818</u>	<u>538.133.130.700</u>

7.3 Tiền trả nợ gốc vay

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(419.076.959.680)	(463.275.014.943)
	<u>(419.076.959.680)</u>	<u>(463.275.014.943)</u>

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC**8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

8.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Tiền lương và các khoản thu nhập khác	2.444.967.000	2.480.300.000

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

8.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các khoản giao dịch nêu tại thuyết minh 5.2.2 Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Công ty cổ phần May Việt Thắng		
Mua hàng hóa	71.902.527	228.048.892
Cổ tức được chia	1.045.375.000	1.568.062.500
Công ty cổ phần nguyên phụ liệu Dệt May Bình An		
Cổ tức được chia	-	3.249.250.000
Chi phí khác	80.429.472	80.431.092
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I		
Chi phí khác	162.613.440	121.661.760

Công nợ với các bên liên quan

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục 5.2, 5.3, 5.5, và 5.13.

8.2 Báo cáo bộ phận**Bộ phận chia theo vùng địa lý**

	Việt Nam		Nước ngoài		Tổng	
	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Doanh thu bán ra bên ngoài	805.545.692.797	913.681.794.620	67.111.644.761	66.088.853.421	872.657.337.558	979.770.648.041
Chi tiêu vốn	48.846.605.882	90.852.934.109	-	-	48.846.605.882	90.852.934.109
	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
Tài sản của bộ phận	1.501.900.560.972	1.339.970.449.107	-	-	1.501.900.560.972	1.339.970.449.107

8.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ


Cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

8.4 Thông tin khác

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Công ty có nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn với số tiền 103.016.086.845 VND. Tuy nhiên các khoản nợ ngắn hạn này chủ yếu đến từ khoản chia cổ tức trong kỳ là 210.000.000.000 VND. Ban Tổng Giám đốc Công ty nhận thấy rằng không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.



DIỆP QUỐC BÌNH
Người lập/ Kế toán trưởng



NGUYỄN ĐỨC KHIÊM
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2019

V
T
H
H